

Số: 5 /NQ-HĐND

Chư A Thai, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Chư A Thai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHƯ A THAI
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ Hai về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ Hai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã.

Theo Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 09 /10/2025 của UBND xã về việc xin ý kiến điều chỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã, cụ thể:

I. Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025:

- Điều chỉnh giảm 994 triệu đồng (trong đó: 903 triệu đồng từ ngân sách trung ương, 91 triệu đồng từ ngân sách xã) từ Tiểu dự án 1 và 3 của Dự án 4.

- Điều chỉnh tăng 994 triệu đồng thực hiện Dự án 2 (trong đó: 903 triệu đồng từ ngân sách trung ương, 91 triệu đồng từ ngân sách xã).

Dự toán thực hiện sau điều chỉnh 1.894 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 1.721 triệu đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu đồng*).

- Nguồn vốn ngân sách xã: 173 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

II. Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025:

- Điều chỉnh giảm các nội dung thành phần gồm:

+ Giảm kinh phí Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 62 triệu đồng.

+ Giảm kinh phí Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 249 triệu đồng từ ngân sách trung ương.

+ Giảm kinh phí Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 237 triệu đồng, trong đó: 216,552 triệu đồng ngân sách trung ương; 20,448 triệu đồng từ ngân sách xã.

+ Giảm kinh phí Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù: 99,9 triệu đồng, trong đó: 96 triệu đồng ngân sách trung ương; 3,9 triệu đồng từ ngân sách xã.

+ Giảm kinh phí Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 219,7 triệu đồng, trong đó: 213,6 triệu đồng ngân sách trung ương; 6,1 triệu đồng từ ngân sách xã.

- Điều chỉnh tăng nội dung thành phần Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (*Dự án liên kết trong chăn nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Chư A Thai*) với số tiền: 1.191,095 triệu đồng, trong đó: 1.146,651 triệu đồng từ ngân sách trung ương; 25,725 triệu đồng từ ngân sách tỉnh và 18,719 triệu đồng ngân sách xã.

Dự toán thực hiện sau điều chỉnh 3.659,975 triệu đồng (tăng 323,495 triệu đồng, do một số nội dung thành phần của các địa phương khác không thực hiện được nên tỉnh bổ sung tăng cho xã Chư A Thai để thực hiện), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 3.099,771 triệu đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 25,725 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Nguồn vốn ngân sách xã: 534,479 triệu đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

(Chi tiết tại các Phụ lục 02 kèm theo).

* Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Chư A Thai khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Tư (Chuyên đề) thông qua ngày 17/10/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Các phòng, ban ngành, đơn vị thuộc xã;
- Chi ủy, chi bộ các thôn;
- Trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT *Qu*



CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Hồng



Phụ lục 1: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHƯ A THAI

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND xã Chư A Thai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh Giảm (-)				Điều chỉnh Tăng (+)				Dự toán thực hiện sau điều chỉnh năm 2025				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	
	Tổng toàn xã	1.894,0	1.721,0	-	173,0	-994	-903,0	0	-91	994,0	903,0	-	91,0	1.894,0	1.721,0	-	173,0	
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án liên kết trong chăn nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Chư A Thai)	900,0	818,0		82,0					994,0	903,0		91,0	1.894,0	1.721,0	-	173,0	
2	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	994,0	903,0	-	91,0	-994,0	-903,0	0,0	-91,0									
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Kinh phí đào tạo nghề)	655,0	595,0		60,0	-655,0	-595,0		-60									
22	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	339,0	308,0		31,0	-339,0	-308,0		-31									

Handwritten signature



Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHƯ A THAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã Chư A Thai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	
	Tổng kinh phí	3.336,480	2.790,272	-	546,208	323,495	309,499	25,725	- 11,729	3.659,975	3.099,771	25,725	534,479	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	259,0	259,0							259,0	259,0			
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	130,0	130,0							130,0	130,0			
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	129,0	129,0							129,0	129,0			
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.011,0	966,0	-	45,0	1.129,095	1.084,651	25,725	18,719	2.140,095	2.050,651	25,725	63,719	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	134	134							134,0	134,0	-		
2.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Dự án liên kết trong chăn nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Chư A Thai)	815	770		45	1.191,095	1.146,651	25,725	18,719	2.006,095	1.916,651	25,725	63,719	
2.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	62	62			-62	-62			-	-	-		

Handwritten signature

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	496,28	427,12	0	69,16	0	0	0	0	496,28	427,12	0	69,16	
3.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn Plei Pông)	496,28	427,12		69,16	0				496,280	427,120	-	69,16	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1013,6	612	0	401,6	-249	-249	0	0	764,6	363	0	401,6	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	401,6			401,6					401,600	-	-	401,6	
	Trường PTDT bán trú TH Nay Der (Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 1)	200,8			200,8					200,8	-	-	200,8	
	Trường PTDT bán trú THCS Nguyễn Bá Ngọc (Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 6)	200,8			200,8					200,8	-	-	200,8	
4.2	Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	363	363							363	363	-		
	Trường TH Nguyễn Trĩ Phương (Mở 01 lớp dạy xóa mù chữ với 46 học viên và 01 lớp tuyên truyền)	363	363							363,0	363,0	-		
4.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	60	60			-60	-60			-	-	-		
4.4	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	91,8	91,8			-91,8	-91,8			-	-	-		
4.5	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	97,2	97,2			-97,2	-97,2			-	-	-		

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	237,000	216,552		20,448	- 237,000	- 216,552		- 20,448	-	-	-		
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	99,9	96		3,9	-99,9	-96		-3,9	-	-	-		
6.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	99,9	96		3,9	-99,9	-96		-3,9	-	-	-		
7	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	219,7	213,6	0	6,1	-219,7	-213,6	0	-6,1					
7.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	205,2	200,1		5,1	-205,2	-200,1		-5,1	-	-	-		
7.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	14,5	13,5		1	-14,5	-13,5		-1	-	-	-		